

Bản án số: 205/2018/DS-PT

Ngày: 05-12-2018

V/v: "Tranh chấp nợ hui"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: 1- Ông Trần Bình Đào

2- Bà Đặng Thị Bích Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 về “tranh chấp nợ hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 81/2018/QĐ-PT ngày 23/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1976

Địa chỉ: đường N, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

Bà Trần Thị Xuân H, sinh năm 1965

Ông Mai Văn D, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Dương Tấn L,
Văn phòng Luật sư Dương Tấn L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị D1, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị Xuân H, ông Mai Văn D.

(Bà L, bà H, ông D và Luật sư có mặt tại phiên tòa, bà D1 xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Bà Phạm Thị L trình bày: Thời gian từ năm 2014 đến năm 2015, bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà Trần Thị Xuân H, ông Mai Văn D làm chủ, do bà ở xa nên nhờ người mợ là bà Võ Thị D1 đứng ra chơi giùm, gồm các dây hụi như sau:

- Dây hụi 1.000.000đ/tháng: Xổ ngày 25/10/2014 âm lịch, có 50 chân, bà chơi 07 chân (chơi 03 chân, mua 04 chân) đã kêu hốt được 04 chân, bà H trừ cần tiền hụi tính ra như giao được 01 chân còn lại 03 chân chưa giao với số tiền là 95.100.000đ. Còn lại 03 chân hụi sống, do hụi còn sổ nên bà vẫn đóng hụi sống cho bà H đầy đủ.

- Dây hụi 1.000.000đ/tháng: Xổ ngày 10/02/2015 âm lịch, có 31 chân, bà chơi 05 chân, dây hụi này đã mãn, cả 05 chân bà hốt nhưng bà H chưa giao tiền, tổng cộng là 132.500.000đ.

- Dây hụi 1.000.000đ/tháng: Xổ ngày 30/02/2015 âm lịch, có 30 chân, bà chơi 03 chân, hụi đã mãn nhưng bà H cũng chưa giao tiền hụi cho bà, tính ra bằng số tiền 75.500.000đ và 8.150.000đ tiền hụi bà H thiếu.

Như vậy dây hụi ngày 25/10/2014 âm lịch 03 chân chưa giao số tiền là 95.100.000đ, dây hụi ngày 10/02/2015 âm lịch, ngày 30/02/2015 âm lịch thì bà H, ông D còn nợ bà số tiền 311.250.000đ. Riêng 03 chân hụi sống ngày 25/10/2014 âm lịch, do tại thời điểm khởi kiện hụi còn sổ nên bà vẫn đóng hụi sống cho bà H đầy đủ và chưa có yêu cầu giải quyết. Việc chơi hụi và mua hụi chỉ nói miệng với nhau, bà H không có đưa sổ sách, không ghi lại hụi sổ từng đợt, các chân hụi mua cũng do bà H nói bán rồi tự tính tiền, nói bao nhiêu thì bà đưa đủ, bà cũng không ghi lại nên không nhớ chính xác số tiền mua từng chân là bao nhiêu, tính ra thì khoảng từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ/1 chân. Hụi mãn từ tháng 3/2017 âm lịch, bà H hứa hẹn nhiều lần mà không đưa tiền hụi. Đến ngày 28/7/2017 âm lịch thì bà H có tính nợ và viết biên nhận còn nợ bà số tiền là 311.250.000đ. Bà thống

nhất trừ lại 2.000.000đ tiền bà H trả và tiền đóng hội sống là 1.800.000đ, còn lại 307.450.000đ. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà H, ông D phải trả cho bà số tiền hội bằng 307.450.000đ.

* Bà Trần Thị Xuân H trình bày: Bà thừa nhận bà L có tham gia chơi hội và mua hội do bà làm chủ (thông qua bà D1). Các dây hội như bà L trình bày là đúng, đối với các chân hội mua bà L giao tiền đầy đủ cho bà (việc thỏa thuận này chỉ có bà và bà L biết, không có làm giấy tờ sổ sách gì). Bà làm chủ hội nhằm phục vụ cuộc sống trong gia đình, chồng bà cũng biết và cũng nhiều lần đi góp hội giúp bà. Do quá trình làm hội, vợ chồng bà bị các hội viên khác giật hội nhiều nên không có tiền trả hội đầy đủ cho bà L. Sau khi hai bên tổng kết nợ với nhau thì bà còn nợ lại bà L số tiền 311.250.000đ và có viết biên nhận nợ đưa cho bà L. Bà đã trả được 2.000.000đ và trừ tiền hội sống 1.800.000đ, số tiền bà còn nợ bà L là 307.450.000đ. Nay bà đồng ý trả cho bà L số tiền hội còn thiếu là 307.450.000đ, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin bà L giảm 50% số nợ, còn lại 153.725.000đ thì bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ.

* Ông Mai Văn D trình bày: Ông chỉ ký vào sổ ghi hội của bà L để xác nhận là bà L có chơi các dây hội như quyển sổ bà L đưa ra tại Tòa án, ông không có ký biên nhận nợ tiền hội. Nếu bà L đồng ý giảm 50% số nợ thì ông mới đồng ý cùng bà H trả nợ cho bà L, còn nếu bà L không giảm thì ông không đồng ý trả mà bà H phải tự chịu trách nhiệm trả nợ.

* Bà Võ Thị D1 trình bày: bà là người trực tiếp đứng ra giao tiền hội, đứng ra chơi hội, bỏ hội trong các dây hội giữa bà L và bà H đang tranh chấp với nhau. Bà có cùng lời trình bày và cùng ý kiến với bà L. Bà xác định hội này bà chơi dùm cho bà L, giữa bà L với bà H cũng đã tính nợ với nhau rõ ràng nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

*** Tại bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:**

Buộc bà Trần Thị Xuân H, ông Mai Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền 307.450.000đ (ba trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 06/02/2018 bà Trần Thị Xuân H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét tính lãi suất theo quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu triệu tập hội viên tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

* Ngày 06/02/2018 ông Mai Văn D kháng cáo không đồng ý cùng với bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị L vì nghĩa vụ trả nợ là của riêng bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H, ông D yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét tính lãi suất theo quy định của pháp luật, đồng thời yêu cầu triệu tập hội viên tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì các hội viên khác gạt hội nên ông bà không có khả năng trả cho bà L. Nếu bà L giảm 50% số nợ 307.450.000đ, còn lại 153.725.000đ thì ông bà sẽ trả cho bà L. Còn người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà, ông D đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để đưa hội viên tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ nội dung vụ án cũng như làm rõ hội gốc và lãi.

Còn bà L yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc bà H, ông D có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 307.450.000đ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Luật sư và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông D, bà H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị D1 không có kháng cáo và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt bà D1 theo khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà L khởi kiện cho rằng bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng bà H, ông D làm chủ, do bà ở xa nên nhờ người mợ là bà Võ Thị D1 đứng ra chơi giùm, gồm các dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất 1.000.000đ/tháng, xổ ngày 25/10/2014 âm lịch, có 50 chân, bà chơi 07 chân (chơi 03 chân, mua 04 chân) đã kêu hốt được 04 chân, bà H trừ cần tiền hụi tính ra như giao được 01 chân còn lại 03 chân chưa giao với số tiền là 95.100.000đ. Còn lại 03 chân hụi sống, do hụi còn sổ nên bà vẫn đóng hụi sống cho bà H đầy đủ, tại thời điểm khởi kiện 03 chân hụi sống này còn xổ nên bà vẫn đóng hụi sống cho bà H đầy đủ và chưa có yêu cầu giải quyết.

- Dây hụi thứ hai 1.000.000đ/tháng, xổ ngày 10/02/2015 âm lịch, có 31 chân, bà chơi 05 chân, dây hụi này đã mãn, cả 05 chân bà hốt nhưng bà H chưa giao tiền, tổng cộng là 132.500.000đ.

- Dây hụi thứ ba 1.000.000đ/tháng, xổ ngày 30/02/2015 âm lịch, có 30 chân, bà chơi 03 chân, hụi đã mãn nhưng bà H cũng hưa giao tiền hụi cho bà, tính ra bằng số tiền 75.500.000đ và 8.150.000đ tiền hụi bà H thiếu.

Tổng cộng các dây hụi bà H, ông D còn nợ lại bà số tiền 311.250.000đ. Đến ngày 28/7/2017 âm lịch thì bà H có tính nợ và viết biên nhận còn nợ bà số tiền là 311.250.000đ. Bà H đã trả được 2.000.000đ và trừ tiền hụi sống 1.800.000đ, còn nợ lại là 307.450.000đ. Bà yêu cầu vợ chồng bà H, ông D phải trả cho bà số tiền hụi bằng 307.450.000đ.

Bà H, ông D cũng thừa nhận bà L có chơi hụi và có viết biên nhận nợ bà L tiền hụi 311.250.000đ, đã trả được 3.800.000đồng và còn nợ lại 307.450.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, ông D phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 307.450.000đ. Bà H, ông D không đồng ý và kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà H cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H yêu cầu xem xét tính lỗi suất theo quy định của pháp luật và yêu cầu triệu tập hụi viên tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ nội dung vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà H, ông D xác định có cho bà L chơi 03 dây hụi và còn nợ tiền hụi của bà L. Ngày 28/7/2017 âm lịch thì bà H có tính nợ và viết biên nhận còn nợ bà L số tiền là 311.250.000đ (bút lục

06), sau đó bà H đã trả được 2.000.000đ, trừ tiền hội sống 1.800.000đ, còn nợ lại là 307.450.000đ. Tại bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, vợ chồng bà H, ông D thống nhất xác định còn nợ bà L tiền hội 307.450.000đ, bà H đồng ý trả cho bà L số tiền hội còn thiếu là 307.450.000đ, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin bà L giảm 50% số nợ, còn lại 153.725.000đ thì bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ (bút lục 17, 23, 29). Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà H cũng không xác định được số tiền lãi cụ thể là bao nhiêu. Như vậy, giữa bà L và vợ chồng bà H đã thống nhất xác định nợ hội là 307.450.000đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định và buộc vợ chồng bà H, ông D còn nợ tiền hội 307.450.000đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Do đó không cần thiết đưa những hội viên vào tham gia tố tụng như nội dung kháng cáo của bà H và ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, ông D.

[4] Xét nội dung kháng cáo của ông D không đồng ý cùng với bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L vì cho rằng nghĩa vụ trả nợ là của riêng bà H. Xét thấy, ông D thừa nhận có ký tên vào các dây hội cho bà L và cho rằng nếu bà L đồng ý giảm 50% số nợ thì ông mới đồng ý cùng bà H trả nợ cho bà L. Còn bà H xác định bà làm chủ hội nhằm phục vụ cuộc sống trong gia đình, ông D cũng biết và cũng nhiều lần đi góp hội giúp bà. Như vậy có đủ cơ sở để xác định ông D biết được việc bà H làm chủ hội và cùng tham gia làm hội để phục vụ cuộc sống gia đình, do đó ông D phải có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả nợ cho bà L. Xét thấy, nội dung kháng cáo của ông D không phù hợp quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét nội dung kháng cáo của ông D.

[5] Trong dây hội xổ ngày 25/10/2014 âm lịch, phần hội của bà L còn 03 chân hội sống, tại thời điểm khởi kiện 03 chân hội sống này còn xổ nên bà L vẫn đóng hội sống cho bà H đầy đủ và chưa có yêu cầu giải quyết. Bà H và bà L thống nhất với nhau sẽ về tính toán lại, thương lượng việc thanh toán nợ, nếu không thỏa thuận được thì sẽ tranh chấp khởi kiện thành một vụ án khác, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà H, ông D cũng như ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà H, ông D. Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà H, ông D mỗi người phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phườg; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Xuân H, ông Mai Văn D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 22/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

1- Buộc bà Trần Thị Xuân H, ông Mai Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền 307.450.000đ (ba trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí: Bà H, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.372.500đ (mười lăm triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng) và án phí phúc thẩm là 600.000đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 600.000đồng theo lai thu số 0000289 và 0000290 cùng ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Bà L được nhận lại số tiền 7.781.000đ (bảy triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000085 ngày 05/10/2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện G.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- THA dân sự huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiên